

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT

Ngày 05/3/2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:- Ông Nguyễn Minh Tân

- Ông Bùi Đăng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lý số 37/2018/HNGĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐ-PT ngày 25/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Anh Nguyễn Đức L (tên gọi khác Nguyễn Đức V), sinh năm 1982 ; Trú tại : Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn : Chị Đồng Thị Th, sinh năm 1987.

Nơi ĐKHTT : thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Đức L và chị Đồng Thị Th tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 4 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống . Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ anh L tại xã L. Đến tháng 4 năm 2014, vợ chồng về sinh sống tại nhà bố mẹ chị Th ở xã B để anh chị làm ăn kinh tế ; nhưng việc làm ăn không thuận lợi . Anh đề nghị chị Th quay về nhà bố mẹ anh tại xã L sinh sống, nhưng chị Th không đồng ý nên cuộc sống vợ chồng

luôn căng thẳng, xích mích. Đến tháng 4/2016, một mình anh L về nhà bố mẹ ở, còn chị Th và con vẫn ở tại nhà bố mẹ chị Th. Vợ chồng ly thân nhau từ đó cho tới nay. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L có đơn xin ly hôn chị Th đồng ý.

Về con chung: Anh L và chị Th có một con chung là Nguyễn Đức Trung P, sinh ngày 12/8/2014. Hiện, cháu đang ở với chị Th. Anh L và chị Th đều đề nghị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai đều chứng minh khả năng mình nuôi con, cụ thể: Anh L là công nhân tại công ty Heesung Electronics, có thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, anh sống cùng bố mẹ. Bố mẹ anh còn khỏe mạnh, luôn tạo điều kiện tốt nhất về việc chăm sóc con chung giúp anh khi anh đi làm. Trước khi chị Th kết hôn với anh thì chị Th đã có chồng và có hai người con là Phan Sơn L, sinh năm 2006 và Phan Yến Nh, sinh năm 2008. Khi ly hôn, chị Th đã được quyền nuôi cháu Phan Sơn L.

Theo chị Th hiện chị làm công nhân may, có thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Chị ở cùng với bố mẹ, khi chị đi làm bố mẹ chị luôn tạo điều kiện giúp đỡ trông con giúp chị. Chị có hai người con với người chồng trước là Phan Sơn L, sinh năm 2006 và Phan Yến Nh sinh năm 2008, theo quyết định ly hôn thì chị được nuôi cháu Phan Sơn L, nhưng hiện tại cả hai cháu L và cháu Nh đang sinh sống trong Miền Nam cùng với bố của các cháu. Thỉnh thoảng các cháu mới ra Bắc để chơi với chị.

Tại bản án số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức L được ly hôn chị Đồng Thị Th.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Trung P, sinh ngày 12/8/2014 cho chị Đồng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/10/2018 anh L có đơn kháng cáo, không đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh Nguyễn Đức L kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đức L, Hội đồng xét xử thấy: Anh L kháng cáo cho rằng ngoài việc nuôi con chung là cháu Nguyễn Đức Trung Ph chị Th còn được quyền nuôi con riêng là cháu Phan Sơn L. Tuy nhiên theo chị Th trình bày thì hiện cháu L đang ở với anh Phan Văn H là chồng cũ của chị. Do vậy hiện tại chị Th chỉ nuôi một mình cháu Nguyễn Đức Trung Ph

Xem xét về điều kiện nuôi con của anh L và chị Th thì thấy: Hiện nay cả anh L và chị Th đều có công việc và thu nhập ổn định, ngoài ra cả 2 anh chị đều có sự giúp đỡ, hỗ trợ từ phía gia đình. Tuy nhiên xét thấy hiện cháu Ph còn nhỏ, nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Thực tế từ nhỏ cháu đã sống với chị Th và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do vậy để ổn định cuộc sống của cháu, nên giao cháu Phong cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L cho rằng chị Th đã có hai con với chồng trước, nhưng thiếu trách nhiệm trong việc nuôi con, do vậy nếu giao cháu Ph cho chị Th nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cuộc sống cho cháu là không có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm anh L xuất trình phiếu xét nghiệm thể hiện việc anh khó có con, trên cơ sở đó anh xin được nuôi cháu Nguyễn Đức Trung Ph. Hội đồng xét xử thấy: Việc anh L khó có con hay việc cháu Ph ở với ai sẽ không ảnh hưởng đến quan hệ cha con giữa anh L và cháu Ph. Nếu giao con cho chị Th nuôi dưỡng thì anh L vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh L.

Anh L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức L. Giữ nguyên bản án số 31/2018/HNGĐ - ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức L được ly hôn chị Đồng Thị Th.
2. Về con chung : Giao cháu Nguyễn Đức Trung Ph , sinh ngày 12/8/2014 cho chị Đồng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung . Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.
3. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2016/000969 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh Nguyễn Đức L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
4. Về án phí phúc thẩm Anh Nguyễn Đức L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh L đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0003767 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hải Dương . Anh Nguyễn Đức L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.
5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 05/3/2019.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền